TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KINH TẾ VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ

Bài tiểu luận

Chủ trương chủ động và tích cực hội nhập KTQT của Đảng

Sinh viên thực hiện
- Trần Hoàng Hà Anh
- Phùng Bảo Châu
- Nguyễn Mạnh Cường
- Vũ Ngọc Huy
- Nguyễn Bảo Việt

Đại học Quốc Gia Hà Nội

Mục lục

LỜI MỞ ĐẦU 1
1.1. Khái niệm 4
1.2. Nguyên nhân 4
1.3. Nội dung của hội nhập kinh tế quốc tế 5
1.4. Hội nhập kinh tế quốc tế tại Việt Nam. 7
2.1. Tổng quan về chủ trương hội nhập Kinh tế Quốc tế của Đảng ta. 8
2.1.1. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và chủ trương của Đảng về Hội nhập Kinh tế 8
2.1.2. Chủ trương chủ động, tích cực hội nhập Kinh tế quốc tế của Đảng qua các kì Đại hội Đảng toàn quốc. 9
2.2. Tính đúng đắn của chủ trương thể hiện qua những tác động lên sự phát triển và hội nhập của nền kinh tế Việt Nam qua các thời kì 15
2.2.1. Tác động của chủ trương đến sự phát triển và hội nhập của nền kinh tế Việt Nam từ sau Đại hội X đến trước Đại hội XI 15
2.2.2. Tác động của chủ trương đến sự phát triển và hội nhập của nền kinh tế Việt Nam sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đến nay 19
3.1. Thuận lợi 29
3.2. Khó khăn 33
3.3. Giải pháp 38

Danh mục các ký hiệu, chữ viết tắt

Chữ viết tắt	Nguyên nghĩa
AFTA	Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN
APEC	Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương
ASEAN	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
ASEM	Hội nghị thượng đỉnh Á - Âu
EU	Liên minh Châu Âu
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FTA	Hiệp định thương mại tự do
GDP	Tổng sản phẩm nội địa
ODA	Hiệp định thương mại tự do
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hiệp Quốc
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

Danh mục bảng biểu hình vẽ

- Bảng 2.1: Kim ngạch xuất khẩu Việt Nam 2001 - 2010
- Hình 3.1: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 1990 – 2010

LỜI MỞ ĐẦU

Toàn cầu hoá kinh tế là xu thế tất yếu biểu hiện sự phát triển nhảy vọt của lực lượng sản suất do phân công lao động quốc tế diễn ra ngày càng sâu rộng trên phạm vi toàn cầu dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ và tích tụ tập trung tư bản dẫn tới hình thành nền kinh tế thống nhất. Sự hợp nhất về kinh tế giữa các quốc gia tác động mạnh mẽ và sâu sắc đến nền kinh tế chính trị của các nước nói riêng và của thế giới nói chung. Đó là sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế thế giới với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, cơ cấu kinh tế có nhiều sự thay đổi. Sự ra đời của các tổ chức kinh tế thế giới như WTO, EU, AFTA...và nhiều tam giác phát triển khác cũng là do toàn cầu hoá đem lại.

Theo xu thế chung của thế giới, Việt Nam đã và đang từng bước cố gắng chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Đây không phải là một mục tiêu nhiệm vụ nhất thời mà là vấn đề mang tính chất sống còn đối với nền kinh tế Việt Nam hiện nay cũng như trở về sau. Bởi một nước mà đi ngược với xu hướng chung của thời đại sẽ trở nên lạc hậu và bị cô lập, sớm hay muộn nước đó sẽ bị loại bỏ trên đấu trường quốc tế. Hơn thế nữa, một nước đang phát triển, lại vừa trải qua chiến tranh tàn khốc, ác liệt... thì việc chủ động hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới thì lại càng cần thiết hơn bao giờ hết.

Chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế, thực hành đường lối đối ngoại hòa bình, hữu nghị với các quốc gia, dân tộc trên thế giới đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra từ khi thành lập Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước đã đề ra đường lối mở cửa kinh tế, chuyển nền kinh tế sang kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Có

thể nói, tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đất nước. Thực hiện chủ trương này, sau 20 năm đổi mới, nền kinh tếnước ta đã hội nhập sâu và toàn diện vào nền kinh tế thế giới. Có thể nói, chủ trương chủ động và hơn nữa, còn tích cực hội nhập kinh tế quốc tế mà Đảng ta đã đề ra là hoàn toàn đúng đắn trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế đã trở thành "một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia" và nhất là khi Việt Nam chúng ta đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Bước vào "sân chơi toàn cầu hóa", để tiếp tục đổi mới đất nước một cách mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững, làm cho thế và lực của nước ta ngày càng lớn mạnh, sớm ra khỏi tình trạng của một nước kém phát triển và nhanh chóng trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đồng thời vẫn giữ được môi trường hoà bình và tạo thêm nhiều thuận lợi cho sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ ngày một nhanh hơn, chúng ta không thể không mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Nội dung nghiên cứu bài viết gồm 3 chương:

- Chương 1: Một số vấn đề lý luận về hội nhập kinh tế quốc tế
- Chương 2: Phân tích chủ trương chủ động, tích cực hội nhập Kinh tế quốc tế của Đảng.
- Chương 3: Thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện các chủ trương. Giải phát để thực hiện tốt chủ trương trong tình hình hiện nay.

Đây là đề tài rất sâu rộng, mang tính thời sự và đã có rất nhiều nhà kinh tế đề cập đến vấn đề này. Tuy nhiên do sự hiểu biết còn hạn chế nên nhóm nghiên cứu chỉ xin đóng góp những phần đã tìm hiểu được của mình cũng như đưa ra một số giải pháp ghi nhận được nhằm tìm ra hướng phát huy thuận lợi và khắc phục khó

khăn trong việc áp dụng, thực hiện của trương. Bài viết còn có rất nhiều sai sót, nhóm nghiên cứu kính mong thầy giúp đỡ để nhóm có thể hoàn thành bài viết tốt hơn.

Nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn.

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

1.1. Khái niệm

Hội nhập kinh tế quốc tế, tên tiếng Anh là **International Economics Integration**, là quá trình tham gia vào phân công lao động quốc tế, là sự gắn kết nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới và với các định chế kinh tế tài chính quốc tế trên cơ sở kí kết các hiệp định, các thoả thuận với nhau nhằm mục đích thực hiện những "luật chơi" được hình thành trong quá trình hợp tác giữa các nước với nhau.

1.2. Nguyên nhân

Hội nhập kinh tế quốc tế là một xu thế khách quan, được hình thành bởi bốn nguyên nhân sau:

- Xu hướng chuyển sang toàn cầu hóa kinh tế.
- Vai trò của các công ty xuyên quốc gia đang ngày càng lớn.
- Sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất và sự phát triển của khoa học công nghệ.
- Sự phát triển không đồng đều giữa các nền kinh tế trên thế giới.

Bốn nguyên nhân này có tác động cộng hưởng với nhau chính vì thế đã tạo nên xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế.

Mục đích của hội nhập kinh tế quốc tế là tự do hoá thương mại và đầu tư, đồng thời mở cửa thị trường cho nhau nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của các quốc gia.

- Về thương mại hàng hoá: các nước cam kết bãi bỏ hàng rào thuế quan như Quota, giấy phép xuất khẩu…, biểu thuế nhập khẩu được giữ hiện hành và giảm dần theo lịch trình thoả thuận…
- Về thương mại dịch vụ: các nước mở cửa thị trường cho nhau với cả bốn phương thức: cung cấp qua biên giới, sử dụng dịch vụ ngoài lãnh thổ, thông qua liên doanh, hiện diện.
- Về thị trường đầu tư: không áp dụng đối với đầu tư nước ngoài yêu cầu về tỉ lệ nội địa hoá, cân bằng xuất nhập khẩu và hạn chế tiếp cận nguồn ngoại tệ, khuyến khích tự do hoá đầu tư…

1.3. Nội dung của hội nhập kinh tế quốc tế

Các nước tham gia hội nhập kinh tế quốc tế thông qua việc ký kết các hiệp định, thỏa thuận với nhau, tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế trên phạm vi khu vực và toàn cầu.

Hội nhập kinh tế quốc tế được thể hiện trên ba cấp độ (hay ba hướng hội nhập), đó là:

- Hội nhập đơn phương: Các nước đẩy mạnh cải cách bên trong về kinh tế, chính trị, tư pháp cho phù hợp với các thông lệ quốc tế.
- Hội nhập song phương giữa hai nền kinh tế với nhau.
- Hội nhập đa phương trên phạm vi khu vực và toàn cầu.

Hội nhập kinh tế quốc tế đa phương diễn ra theo 5 hình thức

- Khu vực mậu dịch tự do: Là một thể loại của khối thương mại, một nhóm các quốc gia được thiết lập mà đã đồng ý để loại trừ thuế quan, hạn ngạch,

và ưu đãi trong phần lớn trao đổi thương mại hàng hóa và dịch vụ giữa các quốc gia trong nhóm. Nó có thể được coi là giai đoạn thứ hai của Hội nhập kinh tế. Các nước chọn loại hình hội nhập kinh tế nếu cơ cấu kinh tế của họ được bổ sung.

Những khu vực thương mại tự do nổi tiếng mới thành lập từ thập niên 1990 điển hình là Hiệp định Thương mại Tự do Bắc Mỹ (thành lập năm 1994), Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN (hiệp định được ký kết vào năm 1992). Ngoài ra, còn có những hiệp định thương mại tự do giữa một nước với cả một khối, như Hiệp định Khung về Hợp tác Kinh tế ASEAN-Trung Quốc (ký kết vào năm 2002).

- Liên minh thuế quan: Đây có thể hiểu là một khu vực thương mại tự do giữa các nước thành viên cộng với thuế quan thống nhất của các nước thành viên đối với hàng hóa từ ngoài khu vực. Việc thành lập liên minh thuế quan cho phép tránh được những phức tạp liên quan đến quy tắc xuất xứ, nhưng lại làm nảy sinh những khó khăn trong phối hợp chính sách giữa các nước thành viên.
- Thị trường chung: Thị trường chung có đầy đủ các yếu tố của hiệp định đối tác kinh tế và liên minh thuế quan, cộng thêm các yếu tố như tự do di chuyển các yếu tố sản xuất (vốn, lao động) giữa các nước thành viên. Ví dụ cụ thể như khối ASEAN cũng đã thỏa thuận sẽ thực hiện được mục tiêu một thị trường chung và một cơ sở sản xuất thống nhất trong toàn khối vào năm 2020 trong khuôn khổ Cộng đồng Kinh tế ASEAN.
- Liên minh kinh tế - tiền tệ: Một khối các nước liên minh với nhau trên cơ sở hiệp nghị kí kết chính thức hay hình thành trên thực tế, thực hiện thống nhất những quy tắc, thể lệ đặc biệt trong quan hệ tiền tệ với nhau và thừa nhận đồng tiền của một nước nào đó có vai trò chủ đạo trong thanh toán nội bộ

khu vực và với các nước khác ngoài khu vực. Ví dụ rõ nhất về cấp độ liên minh này là Khu vực đồng Euro.

Cặn cứ vào chủ thể có thể chia ra làm hai hình thức hội nhập kinh tế quốc tế:

- Liên kết kinh tế quốc tế vĩ mô (giữa các nước với nhau): Bao gồm nhà nước và phi nhà nước.
- Liên kết kinh tế quốc tế vi mô (giữa các doanh nghiệp với nhau).

1.4. Hội nhập kinh tế quốc tế tại Việt Nam.

Ngày nay, trong xu thế toàn cầu hóa, phát triển kinh tế tri thức, quá trình đổi mới ở nước ta càng đi vào chiều sâu, hội nhập và hợp tác quốc tế có vai trò to lớn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về hội nhập, hợp tác quốc tế thật sự là kim chỉ nam để dân tộc ta vượt lên sớm thoát khỏi đói nghèo, thực hiện dân giàu, nước mạnh.

CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH CHỦ TRƯƠNG "CHỦ ĐỘNG, TÍCH CỰC HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ" CỦA ĐẢNG

2.1. Tổng quan về chủ trương hội nhập Kinh tế Quốc tế của Đảng ta.

2.1.1. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và chủ trương của Đảng về Hội nhập Kinh tế

Quan điểm tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế lần đầu tiên tại nước ta được thể hiện rõ trong thể hiện rõ trong của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi cho Liên hợp quốc tháng 12/1946: "Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực: a) Nước Việt Nam giành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình. b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế. c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc… Trong cuộc đấu tranh vì những quyền thiêng liêng của mình, nhân dân Việt Nam có một niềm tin sâu sắc rằng họ cũng chiến đấu cho một sự nghiệp chung: "Đó là sự khai thác tốt đẹp những nguồn lợi kinh tế và mọi tổ chức có hiệu quả cho an ninh ở Viễn Đông"." (Hồ Chí Minh, Toàn tập, t4, tr.470)

Sau hai cuộc chiến tranh, trải qua hơn hai mươi năm đổi mới, nền kinh tế của Việt Nam đã có nhiều chuyển đổi. Khi chuyển đổi từ nền kinh tế hóa tập trung sang nền Kinh tế thị trường, Đảng và nhà nước ta đã đưa ra những chủ trương kịp thời để xác định hướng đi cho nền kinh tế Việt Nam phát triển phù hợp với bối cảnh lịch sử và xu thế phát triển. Sự chuyển biến của các chủ trương đó, đặc biệt là

các chủ trương về Hội nhập Kinh tế Quốc tế được thể hiện rất rõ qua các kì Đại hội.

Nếu các chủ trương về Hội nhập Kinh tế Quốc tế bắt đầu được đề cập từ văn kiện Đại hội VI của Đảng thì những chủ trương về chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế mới bắt đầu được nhắc đến với chủ trương: "Trên cơ sở phát huy nội lực, thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách thu hút các nguồn lực bên ngoài; tích cực và chủ động thâm nhập, mở rộng thị trường quốc tế" tại văn kiện Đại hội VII. Và cùng với định hướng bắt đầu này, Đảng ta đã có những sự chuyển biến rõ rệt trong các chủ trương về sau để đưa nền kinh tế Việt Nam hội nhập ngày một sâu rộng hơn với nền kinh tế thế giới.

2.1.2. **Chủ trương chủ động, tích cực hội nhập Kinh tế quốc tế của Đảng qua các kì Đại hội Đảng toàn quốc.**

Như đã nói ở phần trước, từ Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Đảng ta bắt đầu đưa ra những chủ trương mang tính chủ động và tích cực, tuy nhiên, chủ trương của Đảng ta những năm giữa thập kỉ 19 mới chỉ dừng lại ở việc thâm nhập và mở rộng thị trường quốc tế, chưa đề cập đến hội nhập kinh tế quốc tế theo nhiều chiều, nhiều mặt. Hay nói cách khác, chủ trương chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế tại thời điểm này mới chỉ dừng lại ở việc mở rộng các đối tác, mở rộng các thị trường quốc tế, lưu thông hàng hóa với các bạn hàng mới, cũng như tham gia vào các diễn đàn, các tổ chức, các cộng đồng thương mại thế giới.

Sau kì Đại hội này, chủ trương chủ động, tích cực hội nhập Kinh tế Quốc tế của Đảng ta ngày càng cụ thể, chi tiết, thể hiện rõ ràng tính chủ động, tích cực cũng như bám sát vào xu hướng phát triển của nền kinh tế Việt Nam để đưa ra

những định hướng hội nhập phù hợp và tận dụng triệt để các nguồn lực cũng như hạn chế các nguy cơ.

2.1.2.1. Chủ trương chủ động, tích cực hội nhập của Đảng ta tại Đại hội IX của Đảng.

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Đảng ta đã nhận xét về tình hình phát triển kinh tế của nước ta từ sau Đại hội VI đã có những chuyển biến rõ rệt, đạt được không ít thành tựu như: Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) sau 10 năm tăng hơn gấp đôi (2,07 lần); Quan hệ sản xuất đã có bước đổi mới phù hợp hơn với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; nước ta đã phát triển quan hệ kinh tế với hầu khắp các nước, gia nhập và có vai trò ngày càng tích cực trong nhiều tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực; Mỗi năm tạo thêm 1,2 - 1,3 triệu việc làm mới... Song song với việc chỉ ra những hạn chế trong việc phát triển kinh tế, Đảng ta cũng đưa ra những nhận định về bối cảnh thế giới, trong đó là những nhận định về xu thế toàn cầu hóa và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế:

"Toàn cầu hoá kinh tế là xu thế khách quan, lôi cuốn các nước, bao trùm hầu hết các lĩnh vực, vừa thúc đẩy hợp tác, vừa tăng sức ép cạnh tranh và tính tuỳ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế. Quan hệ song phương, đa phương giữa các quốc gia ngày càng sâu rộng cả trong kinh tế, văn hoá và bảo vệ môi trường, phòng chống tội phạm, thiên tai và các đại dịch... Các công ty xuyên quốc gia tiếp tục cấu trúc lại, hình thành những tập đoàn khổng lồ chi phối nhiều lĩnh vực kinh tế. Sự cách biệt giàu nghèo giữa các quốc gia ngày càng tăng.

Toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình vừa hợp tác để phát triển, vừa đấu tranh rất phức tạp, đặc biệt là đấu tranh của các nước đang phát triển bảo vệ lợi ích của mình, vì một trật tự kinh tế quốc tế công bằng, chống lại những áp đặt phi lý của các cường quốc kinh tế, các công ty xuyên quốc gia. Đối với nước ta, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian tới được nâng lên một bước mới gắn với việc thực hiện các cam kết quốc tế, đòi hỏi chúng ta phải ra sức nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế, tham gia có hiệu quả vào phân công lao động quốc tế."

(Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 – 2010, Văn kiện ĐH Đảng lần thứ IX)

Đứng trước tình hình đó, Chủ trương về chủ động hội nhập kinh tế quốc tế tại Đại hội VII đã được Đại hội IX phát triển và nâng cao lên một tầm mới với phương châm "Việt Nam sẵn sàng là bạn và là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển". Xuất phát từ phương châm này, Đảng ta cũng đưa ra quan điểm phát triển "Gắn chặt việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế". Chủ trương chủ động, tích cực hội nhập đã được cụ thể hóa: *"Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tranh thủ mọi thời cơ để phát triển trên nguyên tắc giữ vững độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ quyền quốc gia và bản sắc văn hoá dân tộc; bình đẳng cùng có lợi, vừa hợp tác vừa đấu tranh; đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ kinh tế đối ngoại; đề cao cảnh giác trước mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch. Trong quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, chú trọng phát huy lợi thế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, không ngừng tăng năng lực cạnh tranh và giảm dần hàng rào bảo hộ. Nâng cao hiệu quả hợp tác với bên ngoài; tăng cường vai trò và ảnh hưởng của nước ta đối với kinh tế khu vực và thế giới."*

2.1.2.2. Chủ trương chủ động, tích cực hội nhập của Đảng ta tại Đại hội X của Đảng.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, một lần nữa khẳng định quyết tâm đổi mới toàn diện và mạnh mẽ theo con đường xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh để sánh vai cùng các nước trên thế giới trong nhịp bước khẩn trương của thời đại, Đảng ta đã khẳng định, đi lên chủ nghĩa xã hội, cùng với việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước..., chúng ta cần phải "chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế".

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các mối quan hệ quốc tế, Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã chỉ rõ: "Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác".

Như vậy, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất, cần đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng là phải có lộ trình, "phù hợp chiến lược phát triển đất nước từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020". Chuẩn bị tốt các điều kiện để ký các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương. Thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước ASEAN, các nước châu Á - Thái Bình Dương… Củng cố và phát triển quan hệ hợp tác song phương tin cậy với các đối tác chiến lược; khai thác có hiệu quả các cơ hội và giảm

tối đa những thách thức, rủi ro khi nước ta là thành viên Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Để chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, Nghị quyết Đại hội X của Đảng chỉ rõ: "Tiếp tục đổi mới thể chế kinh tế, rà soát lại các văn bản pháp quy, sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán, ổn định và minh bạch". Cải thiện môi trường đầu tư; thu hút các nguồn vốn FDI, ODA, đầu tư gián tiếp, tín dụng thương mại và các nguồn vốn khác. Xác định đúng mục tiêu sử dụng và đẩy nhanh việc giải ngân nguồn vốn ODA, cải tiến phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng và có kế hoạch trả nợ đúng hạn; duy trì tỷ lệ vay nợ nước ngoài hợp lý, an toàn.

Nghị quyết Đại hội X của Đảng cũng chỉ rõ: Tinh thần tích cực hội nhập kinh tế quốc tế là "phát huy vai trò chủ thể và tính năng động của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế, xúc tiến thương mại và đầu tư, phát triển kinh thị trường mới, sản phẩm mới và thương hiệu mới". Khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam hợp tác, liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài và mạnh dạn đầu tư ra nước ngoài.

Rõ ràng, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế mà Nghị quyết Đại hội X của Đảng nêu ra có cái mới về tinh thần tích cực. Trong chủ động có tích cực, và ngược lại trong tích cực có sự chủ động. Đó là mối quan hệ biện chứng được thể hiện một cách nhất quán từ đổi mới thể chế kinh tế đến từng doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

2.1.2.3. Chủ trương chủ động, tích cực hội nhập của Đảng ta tại Đại hội XI của Đảng.

Tại Đại hội lần thứ XI, Đảng ta đã nhận định rằng song song với việc chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế cũng cần "Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng ". Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 – 2020 chỉ rõ: "Phát huy nội lực và sức mạnh dân tộc là yếu tố quyết định, đồng thời tranh thủ ngoại lực và sức mạnh thời đại là yếu tố quan trọng để phát triển nhanh, bền vững và xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Phải không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế và sức mạnh tổng hợp của đất nước để chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng và có hiệu quả. Phát triển lực lượng doanh nghiệp trong nước với nhiều thương hiệu mạnh, có sức cạnh tranh cao để làm chủ thị trường trong nước, mở rộng thị trường ngoài nước, góp phần bảo đảm độc lập, tự chủ của nền kinh tế." Đảng ta cũng đặc biệt nhấn mạnh: "Trong hội nhập quốc tế, phải luôn chủ động thích ứng với những thay đổi của tình hình, bảo đảm hiệu quả và lợi ích quốc gia."

Và cũng tại Đại hội lần này, Chủ trương chủ động, tích cực trong hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng đã được khái quát lên một tầm mới. Đảng ta đã xác định chuyển từ chủ trương "chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế" sang "chủ động, tích cực hội nhập quốc tế".

Với chủ trương này, công tác hội nhập quốc tế sẽ được chủ động triển khai mạnh mẽ trên lĩnh vực kinh tế, đồng thời từng bước mở rộng trên các lĩnh vực khác, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh..., ở các cấp độ song phương và đa phương, khu vực và toàn cầu. Đồng thời, Đại hội XI cũng phát triển phương châm đối ngoại Việt Nam "là bạn, đối tác tin cậy" lên tầm cao hơn là "Việt Nam là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế". Đại hội XI cũng tiếp tục nhấn mạnh chủ trương triển khai "đồng bộ, toàn diện" các hoạt động đối ngoại.

Như vậy, trải qua hơn 20 năm đổi mới và phát triển, chủ trương chủ động, hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng ta đã có những thay đổi tích cực, phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại. Những chủ trương ngày một cụ thể hơn, bám sát vào tình hình phát triển kinh tế trong và ngoài nước, chỉ ra những định hướng quan trọng để tiến trình hội nhập của Việt Nam ngày càng sâu rộng về nhiều mặt. Đồng thời, những chủ trương này không chỉ nhấn mạnh về động thái chủ động và tích cực trong hội nhập mà còn nêu cao ý thức tự chủ dân tộc,tích cực bảo vệ bản sắc dân tộc, bảo vệ chủ quyền, độc lập quốc gia nhằm đưa Việt Nam ngày càng hòa nhập quốc tế nhưng không đánh mất bản sắc dân tộc.

Có thể nói, trong bối cảnh quốc tế hiện thời, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế đã trở thành một xu thế khách quan, phương châm thực hiện chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế mà Đảng ta đã đưa ra là hoàn toàn đúng đắn. Bởi lẽ, bằng cách chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, *một mặt*, chúng ta sẽ tận dụng được những cơ hội thuận lợi, những điều kiện thiết yếu để phát triển kinh tế, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ; *mặt khác*, chỉ có trên cơ sở tự chủ được về kinh tế, chúng ta mới có thể chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực một cách có hiệu quả, mới có thể bảo đảm chủ quyền quốc gia và lợi ích dân tộc.

2.2. Tính đúng đắn của chủ trương thể hiện qua những tác động lên sự phát triển và hội nhập của nền kinh tế Việt Nam qua các thời kì

2.2.1. Tác động của chủ trương đến sự phát triển và hội nhập của nền kinh tế Việt Nam từ sau Đại hội X đến trước Đại hội XI

Quá trình thực hiện chủ trương chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế đã đạt được những điểm cốt yếu sau đây:

- Thứ nhất, bảo đảm giữ vững độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc. Việc chủ động hội nhập kinh tế quốc tế phải dựa trên cơ sở một tiềm năng nhất định, có một vị thế và vị trí nhất định. Chủ động bao hàm cả sự tự tin, có đường đi nước bước, có lộ trình, không vội vàng như không chậm chạp, bỏ lỡ thời cơ. Như vậy, tham gia hội nhập kinh tế quốc tế là để phát triển đất nước, phục vực sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Hội nhập để nuôi dưỡng, làm tăng sức mạnh bên trong, bảo vệ an ninh Tổ quốc và định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển.
- Thứ hai, hội nhập quốc tế phải trên cơ sở ổn định về chính trị, ổn định về xã hội, không ngừng phát huy nội lực, phát triển kinh tế, nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế đất nước, của từng ngành và của mỗi doanh nghiệp.
- Thứ ba, trong quá trình hội nhập đã kiên trì và giữ vững phương châm bình đẳng cùng có lợi, bảo vệ lợi ích quốc gia. Một mặt, cần kiên quyết không để bị thiệt thòi về lợi ích mà lẽ ra phải được; mặt khác, chấp nhận chia sẻ lợi ích hợp lý với các đối tác.
- Thứ tư, thực hiện nhất quán phương châm đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế với tinh thần "Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực".
- Thứ năm, luôn luôn đề cao cảnh giác, không mơ hồ trước những âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng quan hệ kinh tế để xâm nhập, thực hiện

"diễn biến hoà bình", phá hoại, lật đổ chế độ. Việc phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế, khoa học kỹ thuật sẽ góp phần quan trọng làm tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh. Mặt khác, quan hệ tuỳ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế cũng như sự đan xen lợi ích giữa nước ta với các nước, các tổ chức và các công ty nước ngoài tuy có phức tạp, nhưng nếu xử lý tốt cũng tạo ra yếu tố góp phần bảo vệ an ninh và chủ quyền quốc gia.

Hội nhập kinh tế quốc tế là yêu cầu khách quan, cần chủ động, có lộ trình phù hợp, bước đi tích cực, vững chắc, không do dự, chần chừ, nhưng cũng không nóng vội, giản đơn. Nghị quyết Đại hội X của Đảng ghi rõ: "Phải tích cực mở rộng thị trường bên ngoài để đẩy mạnh xuất khẩu, đồng thời phải chủ động mở cửa thị trường trong nước, kể cả thị trường dịch vụ, để thu hút mạnh vốn đầu tư, công nghệ và kỹ năng quản lý tiên tiến, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế".

Trên thực tế, cho tới cuối giai đoạn 2001 – 2010, kinh tế Việt Nam, đặc biệt là tổng kim ngạch xuất khẩu, dòng vốn FDI chảy vào đã có những bước tiến không nhỏ.

Bảng 2.1: Kim ngạch xuất khẩu Việt Nam 2001 - 2010

Năm	Xuất khẩu
2001	31247,1
2002	36451,7
2003	45405,1
2004	58453,8
2005	69208,2
2006	84717,3
2007	111326,1
2008	143398,9
2009	127045,1
2010 (ước tính)	156993,1

Nguồn: Tổng cục thống kê

Trong tiến trình mở cửa, hội nhập nền kinh tế thế giới, cần phát huy lợi thế so sánh, tạo môi trường cạnh tranh để phát triển. Đồng thời, cần tăng cường tiềm lực và bảo đảm an ninh kinh tế, trong đó coi trọng việc giữ vững các cân đối vĩ mô. Cùng với việc bảo đảm an ninh lương thực và năng lượng, cần tăng nhanh dự trữ ngoại tệ, kiểm soát chặt chẽ nợ nước ngoài; phát huy cao nhất các nguồn lực, nhất là nội lực để xây dựng nhanh kết cấu hạ tầng và phát triển có hiệu quả một số ngành, sản phẩm thiết yếu.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, chú trọng cải cách hành chính, đào tạo nguồn nhân lực, tạo lập những điều kiện thuận lợi hơn nữa để thu hút mạnh các nguồn vốn quốc tế, như vốn ODA, vốn FDI, tín dụng thương mại và các nguồn vốn quốc tế khác. Góp phần tạo bước ngoặt về hội nhập kinh tế quốc tế là việc phát huy

tính năng động của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Từng doanh nghiệp khẩn trương đổi mới tư duy đến phong cách quản lý; người lao động cần đổi mới phong cách làm việc; đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Coi trọng các giải pháp thực hành tiết kiệm, giảm chi phí để nâng cao sức cạnh tranh thị trường của hàng hoá và dịch vụ.

2.2.2. **Tác động của chủ trương đến sự phát triển và hội nhập của nền kinh tế Việt Nam sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đến nay**

2.2.2.1. Triển khai ngoại giao toàn diện và hội nhập quốc tế

Ngay từ đầu năm, ngành ngoại giao đã xác định nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của năm 2011 là bắt tay triển khai ngay đường lối đối ngoại của Đại hội XI, qua đó góp phần bước đầu thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngành đã đặc biệt chú trọng việc xây dựng các chiến lược, lộ trình để cụ thể hóa đường lối, chủ trương mới của Đảng về đối ngoại trên cơ sở nhận thức rõ những cơ hội và thách thức từ môi trường đối ngoại.

Chúng ta có thuận lợi là hòa bình, ổn định, hợp tác tiếp tục là nguyện vọng của các nước và là xu thế nổi trội trong quan hệ quốc tế. Các nước, lớn hay nhỏ, đều mong muốn có hòa bình để phát triển. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục khẳng định sự phát triển năng động của mình, trở thành động lực tăng trưởng của kinh tế thế giới thu hút sự quan tâm ngày càng gia tăng của các nước trên thế giới, trong đó ASEAN nổi lên với vai trò trung tâm trong cấu trúc khu vực đang định hình. Sau 25 năm đổi mới, vị thế của đất nước ở khu vực và trên quốc tế ngày càng được nâng cao. Quan trọng hơn cả là đối ngoại Việt Nam được soi đường, dẫn lối bởi những phát triển quan trọng về đường lối của Đại hội XI.

Tuy nhiên, những thách thức tồn tại song song các cơ hội nhắc nhở chúng ta không được chủ quan. Đó là tình hình thế giới có những diễn biến rất nhanh chóng và khó lường với các cuộc xung đột cục bộ, nội chiến, can thiệp, chạy đua vũ trang, tranh chấp lãnh thổ, giành giật tài nguyên ngày càng diễn biến phức tạp hơn. Kinh tế toàn cầu đặc biệt khó khăn khiến thị trường bên ngoài bị thu hẹp, dòng vốn đầu tư khan hiếm, tác động trực tiếp đến việc thực hiện những mục tiêu phát triển của đất nước. Khi nước ta càng hội nhập sâu rộng thì những biến động kinh tế, an ninh, chính trị, xã hội của thế giới cũng sẽ tác động đến Việt Nam nhanh hơn với mức độ sâu sắc hơn.

Trên cơ sở định hướng đối ngoại của Đại hội XI, đồng thời nhận diện đầy đủ hai mặt cơ hội và thách thức, công tác đối ngoại năm 2011 đã được triển khai đồng bộ, toàn diện trên khắp các hướng, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ nhất, đối ngoại đã góp phần phục vụ tốt các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước, chuyển tải thành công tới bạn bè quốc tế thông điệp của Đại hội XI về một nước Việt Nam tiếp tục đổi mới, độc lập, tự chủ, vì hòa bình, hợp tác và phát triển với đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Nhân dịp Đại hội XI, có 178 chính đảng, phong trào và tổ chức tiến bộ quốc tế gửi điện mừng tới Đảng ta. Lãnh đạo các chính đảng và các nước đều khẳng định coi trọng và mong muốn tăng cường hơn nữa mối quan hệ hữu nghị và hợp tác nhiều mặt với Đảng và Nhà nước ta.

Thứ hai, chúng ta đã thắt chặt hơn nữa quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt với các nước láng giềng, các nước ASEAN, thể hiện qua việc trao đổi một loạt các chuyến thăm cấp cao giữa nước ta với Lào, Cam-pu-chia, Trung Quốc và một số nước ASEAN. Nhằm tiếp tục tăng cường quan hệ đặc biệt và hợp tác toàn diện với Lào, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng đã thăm chính thức Lào, chuyến thăm nước ngoài đầu tiên khi bắt đầu nhiệm kỳ mới và nước ta đã đón Tổng Bí thư, Chủ tịch nước và Chủ tịch Quốc hội mới của Lào thăm Việt Nam. Điều đó khẳng định quyết tâm gìn giữ và phát triển quan hệ đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện giữa hai nước, hai dân tộc, hướng tới những sự kiện lớn trong quan hệ hai nước năm 2012 như "Năm đoàn kết hữu nghị Việt - Lào" và kỷ niệm 50 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao và 35 năm ký Hiệp ước Hữu nghị hợp tác Việt Nam - Lào. Với Cam-pu-chia, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng và Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng đã thăm chính thức Cam-pu-chia nhằm tăng cường hơn nữa mối quan hệ láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài giữa hai nước; thắt chặt hơn nữa quan hệ gắn bó, tin cậy giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cam-pu-chia.

Với Trung Quốc, quan hệ "đối tác hợp tác chiến lược toàn diện" tiếp tục phát triển theo phương châm 16 chữ và tinh thần bốn tốt với chuyến thăm chính thức Trung Quốc tháng 10-2011 của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Hai bên đã ký sáu văn kiện quan trọng trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là Thỏa thuận các nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết các vấn đề trên biển, tạo cơ sở cho việc đàm phán, tìm kiếm các giải pháp cơ bản, lâu dài cho các vấn đề trên Biển Đông, đồng thời đóng góp vào việc phát triển quan hệ giữa hai nước. Phó Chủ tịch nước Tập Cận Bình thăm chính thức Việt Nam tháng 12-2011. Hai nước họp phiên thứ năm Ủy ban chỉ đạo hợp tác song phương và gia tăng trao đổi đoàn các cấp, các bộ, ngành.

Quan hệ hợp tác giữa ta với các nước Đông - Nam Á, Nam Á được củng cố và tăng cường qua các chuyến thăm cấp Nhà nước của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tới Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Phi-li-pin và Xri Lan-ca, chuyến thăm chính thức của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tới In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma.

Quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Liên bang Nga tiếp tục được tăng cường mạnh mẽ với việc hai nước tích cực thực hiện Danh mục các nhiệm vụ ưu tiên thúc đẩy hợp tác năm 2011, ký các hiệp định cấp Chính phủ về cung cấp tín dụng cho dự án Nhà máy Điện hạt nhân Ninh Thuận 1. Quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Nhật Bản phát triển mạnh mẽ và đi vào chiều sâu qua chuyến thăm Nhật của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tháng 11-2011 và sự ủng hộ thiết thực đầy tình cảm của chính phủ và nhân dân ta đối với bạn sau thảm họa động đất, sóng thần ở Nhật Bản. Trong bối cảnh khó khăn sau thảm họa này, Nhật Bản vẫn tăng ODA cho Việt Nam lên 1,9 tỷ USD trong năm tài khóa 2012, cam kết triển khai những thỏa thuận quan trọng đã đạt được với Việt Nam. Quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Hàn Quốc cũng phát triển tốt đẹp với chuyến thăm cấp Nhà nước của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tới Hàn Quốc tháng 11-2011; hai nước tổ chức Đối thoại chiến lược ngoại giao - quốc phòng - an ninh lần đầu tiên tại Hà Nội. Quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam - Ấn Độ có bước phát triển theo hướng ngày càng hiệu quả với chuyến thăm cấp Nhà nước tới Ấn Độ của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tháng 10-2011, hướng tới "Năm Hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ 2012" và mục tiêu nâng kim ngạch thương mại song phương lên bảy tỷ USD vào 2015.

Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ tiếp tục phát triển trên nhiều lĩnh vực. Hoa Kỳ trở thành một trong những đối tác kinh tế quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Hai

bên trao đổi nhiều đoàn thăm song phương, tiến hành Đối thoại chiến lược - quốc phòng - an ninh lần thứ tư, Đối thoại chính sách Quốc phòng lần hai.

Quan hệ giữa Việt Nam với các nước châu Âu tiếp tục được tăng cường. Việt Nam và Liên hiệp châu Âu (EU) đã ký tắt và đang chuẩn bị ký chính thức Hiệp định Đối tác và Hợp tác Toàn diện (PCA). Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng thăm chính thức Hà Lan, U-dơ-bê-ki-xtan và U-crai-na; Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng thăm chính thức Anh, Bỉ, Nghị viện châu Âu. Qua đó, nước ta đã tăng cường quan hệ trên nhiều mặt với các nước, trong đó có việc triển khai quan hệ Đối tác chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý nước với Hà Lan; thăm dò và khai thác dầu khí, đầu tư, thương mại với U-dơ-bê-ki-xtan; thúc đẩy hợp tác các lĩnh vực dầu khí, khoa học vũ trụ, chế tạo máy và công nghiệp quốc phòng với U-crai-na; triển khai Đối tác chiến lược Việt Nam - Anh với việc thỏa thuận "Kế hoạch hành động năm 2012" trên cơ sở kết quả "Kế hoạch hành động Việt-Anh 2011" và Đối thoại chiến lược Việt-Anh lần đầu tiên. Nước ta đã thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược với Đức nhân chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Méc-ken tháng 11-2011, quan hệ đối tác chiến lược về biến đổi khí hậu, môi trường, năng lượng và tăng trưởng xanh với Đan Mạch.

Chúng ta tiếp tục phát triển và tăng cường hiệu quả quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, các nền kinh tế mới nổi và các đối tác tiềm năng ở các khu vực khác... nhằm đẩy mạnh các mối quan hệ song phương trên nhiều hướng, góp phần tạo thế trận đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa của đất nước.

Ngoại giao đa phương đã đóng góp tích cực vào hòa bình, an ninh, ổn định ở khu vực và thế giới, cũng như những nỗ lực quốc tế ứng phó những thách thức toàn cầu. Chúng ta đã đóng góp tích cực cho mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN

vào năm 2015, thúc đẩy liên kết nội khối ASEAN, tăng cường quan hệ của ASEAN với các đối tác nhằm củng cố vai trò trung tâm của ASEAN trong các vấn đề hòa bình, an ninh và phát triển của khu vực. Liên quan đến Biển Đông, ASEAN và các nước đối tác khẳng định hòa bình, ổn định ở Biển Đông, trong đó có vấn đề an ninh, an toàn, tự do hàng hải là lợi ích chung của khu vực và tất cả các nước; các bên liên quan cần giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông bằng các biện pháp hòa bình, tuân thủ luật pháp quốc tế, nhất là Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, tôn trọng và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), tiến tới Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC). Nước ta cũng tham gia tích cực các cơ chế hợp tác tại tiểu vùng sông Mê Công. Chúng ta cũng đã chủ động tham gia và đưa ra nhiều sáng kiến tại Liên hợp quốc, Không Liên kết, APEC, ASEM, Hội nghị cấp cao phụ nữ toàn cầu, Hội nghị tương lai châu Á... đóng góp vào các nỗ lực chung toàn cầu vì hòa bình và an ninh quốc tế, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng và an ninh hạt nhân...

Công tác biên giới lãnh thổ tiếp tục được chú trọng, trong đó có việc phân giới cắm mốc biên giới với Cam-pu-chia, tăng dày và tôn tạo hệ thống mốc giới với Lào, thực hiện các Hiệp định về biên giới đã ký với Trung Quốc và việc triển khai các biện pháp đấu tranh kiên quyết và phù hợp để bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền của ta ở Biển Đông. Chúng ta cũng đã chủ động đối thoại với các nước về dân chủ nhân quyền và tôn giáo, kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện lợi dụng các vấn đề này để can thiệp vào nội bộ Việt Nam. Công tác bảo hộ công dân được đặc biệt coi trọng, đã xử lý tốt nhiều trường hợp liên quan đến an toàn tính mạng và tài sản của công dân ta ở nước ngoài, kịp thời ứng phó các tình huống khẩn cấp và triển khai hoạt động bảo hộ công dân quy mô lớn như sơ tán an toàn hơn 10.300 lao động tại Li-bi về nước, sơ tán công dân ta tại Nhật Bản ra khỏi khu vực thảm họa khi xảy ra động đất, sóng thần... Công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại tích

cực đóng góp vào việc phục vụ các sự kiện trọng đại của đất nước, đặc biệt là Đại hội Đảng XI, giới thiệu với quốc tế các thành tựu phát triển của Việt Nam và kiên quyết đấu tranh với những luận điệu phản động.

Chúng ta tiếp tục đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, tham mưu về tình hình kinh tế thế giới phục vụ lãnh đạo cấp cao trong công tác chỉ đạo, điều hành kinh tế trong nước, tranh thủ tối đa nguồn lực từ bên ngoài để phục vụ ổn định kinh tế vĩ mô, tái cấu trúc nền kinh tế đất nước. Nhóm các nhà tài trợ cho Việt Nam (CG) năm 2011 đã cam kết 7,39 tỷ USD để giúp quá trình phục hồi và phát triển kinh tế Việt Nam. Bên cạnh đó, chúng ta đã vận động thành công EU bãi bỏ áp thuế chống bán phá giá đối với giày mũ da Việt Nam, đấu tranh để Tổ chức Bảo vệ Thiên nhiên và Động vật hoang dã thế giới (WWF) đưa cá tra của Việt Nam ra khỏi "danh mục đỏ", vận động Mỹ không đưa cá tra/basa vào danh mục chống bán phá giá... Chúng ta tiếp tục đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP); đàm phán trong khuôn khổ vòng Đô-ha, ký kết FTA với Chi-lê, thúc đẩy đàm phán FTA với EU và liên minh thuế quan với ba nước Nga, Bê-la-rút và U-dơ-bê-ki-xtan.

Ngoại giao văn hóa tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, tăng cường quảng bá hình ảnh Việt Nam đến bạn bè quốc tế thông qua việc tổ chức các sự kiện văn hóa cả ở trong và ngoài nước; tiếp tục vận động UNESCO công nhận các di sản mới, bảo tồn và phát huy các danh hiệu đã có theo hướng phát triển bền vững. Trong năm 2011, UNESCO đã công nhận các di sản đối với Thành Nhà Hồ ở Thanh Hóa, Khu Dự trữ sinh quyển Đồng Nai, hát xoan Phú Thọ.

Chúng ta tiếp tục thể chế hóa Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài bằng các văn bản quy phạm pháp luật và các

chính sách cụ thể phù hợp tình hình mới; triển khai nhiều biện pháp thiết thực như khảo sát, tìm hiểu và hỗ trợ bà con Việt kiều tại các địa bàn khó khăn như Lào và Cam-pu-chia, thí điểm về đẩy mạnh công tác tiếng Việt đối với người Việt Nam ở nước ngoài đến 2020.

Thành tựu đối ngoại năm 2011 tạo cho chúng ta niềm tin vững chắc rằng dưới ánh sáng đường lối Đại hội Đảng XI, với thế và lực mới, chúng ta hoàn toàn có thể vượt qua khó khăn, biến thách thức thành cơ hội, tận dụng những mặt thuận từ quá trình hội nhập quốc tế để đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Qua đó, chúng ta cũng rút ra những bài học quý giá để vững bước tiến lên trong những năm tiếp theo. Một là, phải đặt lợi ích quốc gia lên hàng đầu, giữ vững độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường quốc tế thuận lợi nhất cho công cuộc phát triển đất nước. Hai là kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, tận dụng các xu thế của thế giới để phát huy nội lực. Ba là, kiên định về nguyên tắc, nhưng linh hoạt về sách lược, dĩ bất biến, ứng vạn biến; thúc đẩy, mở rộng hợp tác bình đẳng đi đôi với đấu tranh kiên quyết trước các hành động xâm hại lợi ích quốc gia. Bốn là, triển khai ngoại giao toàn diện, phối hợp chặt chẽ giữa các binh chủng, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng và sự quản lý tập trung của Nhà nước để mang lại sức mạnh tổng hợp trên mặt trận đối ngoại.

2.2.2.2. Góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu và nhiệm vụ chung của đất nước

Công tác đối ngoại bước vào năm mới với quyết tâm triển khai mạnh mẽ nền ngoại giao toàn diện và chủ trương hội nhập quốc tế của Đảng nhằm góp phần thực

hiện thắng lợi mục tiêu và nhiệm vụ chung của đất nước, tập trung vào những hướng chính sau:

- Một là, triển khai những định hướng chiến lược lớn về đối ngoại, nhất là chủ trương chủ động tích cực hội nhập quốc tế của Đại hội XI. Tăng cường hơn nữa công tác nghiên cứu, đánh giá, dự báo tình hình thế giới, các khu vực, các vấn đề kinh tế, chính trị, an ninh tác động đến môi trường an ninh và phát triển của Việt Nam để có những đề xuất chủ trương thích hợp.
- Hai là, tiếp tục đưa quan hệ giữa nước ta với các nước láng giềng khu vực, các nước lớn và các nước bạn bè truyền thống đi vào chiều sâu, ổn định và bền vững; tăng cường hơn nữa sự tin cậy, hợp tác nhiều mặt vì lợi ích chung với các nước. Tiếp tục phát huy vị thế, vai trò tại các diễn đàn đa phương; tham gia chủ động, tích cực và có trách nhiệm tại ASEAN, APEC, ASEM, Liên hợp quốc và các cơ chế liên quan.
- Ba là, giữ vững hòa bình, ổn định, bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và lợi ích của đất nước tại Biển Đông, đẩy nhanh tiến độ tăng dày, tôn tạo mốc giới với Lào, phân giới cắm mốc với Cam-pu-chia.
- Bốn là, kiên quyết đấu tranh với các thế lực lợi dụng các vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, tự do báo chí và thông tin để can thiệp vào nội bộ Việt Nam, đồng thời tăng cường đối thoại trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau.
- Năm là, tiếp tục đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa, công tác người Việt Nam ở nước ngoài, công tác bảo hộ công dân và công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại nhằm triển khai ngoại giao toàn diện và hội nhập quốc tế.

Tình hình thế giới tiếp tục có những chuyển biến nhanh chóng, phức tạp, tác động sâu sắc, đa chiều đối với mọi quốc gia, dù lớn hay nhỏ, mạnh hay yếu, phát

triển hay đang phát triển, tạo ra nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức đối với đất nước. Chúng ta tin tưởng rằng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, các Bộ, ban, ngành, địa phương, ngoại giao Việt Nam sẽ nỗ lực tranh thủ thời cơ, hóa giải thách thức, chủ động và tích cực phát huy vai trò của mình nhằm đóng góp thiết thực vào quá trình đổi mới, đưa đất nước vươn tới những tầm cao mới.

CHƯƠNG 3. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỦ TRƯƠNG. GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN TỐT CHỦ TRƯƠNG TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY.

3.1. Thuận lợi

Việt Nam hội nhập vào nền kinh tế quốc tế là tất yếu khách quan bởi vì khi hội nhập thì nó đem lại những lợi ích vô cùng to lớn cho đất nước, mở ra những cơ hội phát triển rất lớn. Những lợi ích và cơ hội đó là:

- Một là, thông qua các hiệp ước song phương và đa phương, cho đến nay, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với trên 180 nước thuộc tất cả các châu lục và lần đầu tiên trong lịch sử có quan hệ bình thường với tất cả các nước lớn, các ủy viên thường trực của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc. Tổng kim ngạch xuất khẩu của nước ta đã tăng nhanh chóng trong những năm qua, từ 2,4 tỷ USD năm 1990 lên đến 5.4 tỷ USD năm 1995, lên gần 14.5 tỷ USD năm 2000, gần 32.5 tỷ USD năm 2005 và hơn 96 tỷ USD vào năm 2011.

	Tổng số	Chia ra		Cân đối (*)
		Xuất khẩu	Nhập khẩu	
		Triệu đô la Mỹ		
1990	5156,4	2404,0	2752,4	-348,4
1991	4425,2	2087,1	2338,1	-251,0
1992	5121,5	2580,7	2540,8	39,9
1993	6909,1	2985,2	3923,9	-938,7
1994	9880,1	4054,3	5825,8	-1771,5
1995	13604,3	5448,9	8155,4	-2706,5
1996	18399,4	7255,8	11143,6	-3887,8
1997	20777,3	9185,0	11592,3	-2407,3
1998	20859,9	9360,3	11499,6	-2139,3
1999	23283,5	11541,4	11742,1	-200,7
2000	30119,2	14482,7	15636,5	-1153,8
2001	31247,1	15029,2	16217,9	-1188,7
2002	36451,7	16706,1	19745,6	-3039,5
2003	45405,1	20149,3	25255,8	-5106,5
2004	58453,8	26485,0	31968,8	-5483,8
2005	69208,2	32447,1	36761,1	-4314,0
2006	84717,3	39826,2	44891,1	-5064,9
2007	111326,1	48561,4	62764,7	-14203,3
2008	143398,9	62685,1	80713,8	-18028,7
2009	127045,1	57096,3	69948,8	-12852,5
Sơ bộ 2010	156993,1	72191,9	84801,2	-12609,3

Hình 3.1: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 1990 - 2010

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam)

Khi gia nhập AFTA , hàng hoá của Việt nam sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi thấp hơn cả thuế suất tối huệ quốc mà các nước ASEAN dành cho các nước thành viên WTO, từ đó có điều kiện thuận lợi hơn để hàng hoá Việt nam có thể thâm nhập thị trường của tất cả các nước thành viên ASEAN. Hàng hoá của Việt Nam có thể tiêu thụ khắp thị trường ASEAN với dân số gần 600 triệu người và GDP trên 1800 tỷ USD. Và khi gia nhập WTO, Việt Nam được tiếp cận thị trường hàng hoá và dịch vụ ở tất cả các nước thành

viên với mức thuế nhập khẩu đã được cắt giảm và các ngành dịch vụ, không bị phân biệt đối xử.Nhờ vậy, hàng hoá nước ta xuất khẩu vào các nước đó dễ dàng hơn. Từ năm 2010, hàng rào thuế quan của các nước phát triển thuộc APEC (hiện có 21 nước thành viên chiếm 60% GDP, và 45% thương mại thế giới) được bãi bỏ, nước ta cũng có thể mở rộng thị trường, tiêu thụ hàng hoá sang các nước này. Đối với các nước EU cũng vậy, tiềm năng mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá Việt Nam tại các nước đó cũng rất lớn.

- Hai là, đi đôi với mở rộng thị trường ra thế giới, Việt Nam đã tăng khả năng thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài. Tính đến cuối năm 2007, cả nước có hơn 9.500 dự án đầu tư nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký khoảng 98 tỷ USD (kể cả vốn tăng thêm). Trừ các dự án đã hết thời hạn hoạt động và giải thể trước thời hạn, hiện có 8.590 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 83,1 tỷ USD. Đã có 82 nước và vùng lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam trong tổng vốn đăng ký trên 80 tỷ đô la Mỹ, các nước Châu Á chiếm 69,1%; các nước thuộc EU chiếm 16,2%; các nước Châu Mỹ chiếm 11,8%, riêng Hoa Kỳ chiếm 4%. Tuy nhiên, nếu tính cả số vốn đầu tư từ các chi nhánh tại nước thứ 3 thì vốn đầu tư của Hoa Kỳ tại Việt Nam sẽ đạt con số trên 3 tỷ USD, đứng vị trí thứ 5 trong tổng số 82 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam. Số vốn đầu tư còn lại thuộc các nước tại khu vực khác. Với những con số biết nói này thì đầu tư nước ngoài thực sự đã đang mang lại nhiều lợi ích không chỉ về kinh tế và mà còn ở cả lĩnh vực xã hội cho Việt Nam: Là nguồn vốn bổ sung quan trọng cho vốn đầu tư đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển xã hội và tăng trưởng kinh tế góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp thúc đẩy chuyển giao công nghệ, tác động lan toả đến các thành phần kinh tế khác trong nền kinh tế, đóng góp đáng kể vào Ngân sách Nhà nước và các cân đối vĩ mô, góp phần giúp Việt Nam tiếp cận và mở rộng thị trường quốc tế, nâng cao

năng lực xuất khẩu, tạo việc làm, tăng năng suất lao động, cải thiện nguồn nhân lực và góp phần mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới.

- Ba là cùng với các dòng vốn đầu tư trực tiếp, nhiều tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới cũng được đưa vào nước ta. Trong những dự án liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài thuộc các ngành bưu chính viễn thông, dầu khí, điện, điện tử, dệt may, da giầy,... các công nghệ được chuyển giao là tương đối hiện đại. Cũng có những công nghệ thuộc loại trung bình không còn hiệu quả ở các nước phát triển như Mỹ, Nhật, Tây Âu nhưng lại là thích hợp và còn hiệu quả ở nước ta trong một số ngành sản xuất khác do yêu cầu sử dụng lao động của các công nghệ đó cao, có khả năng tạo thêm nhiều việc làm mới.

  Dĩ nhiên, ngoài việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để tạo cơ hội tiếp nhận tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới về phục vụ các nhu cầu sản xuất, kinh doanh. Song vì nước ta còn nghèo, dự trữ ngoại tệ rất hạn chế, kinh nghiệm tiếp cận thị trường chưa nhiều, trình độ thẩm định công nghệ lại kém và khả năng quản lý sản xuất kinh doanh với công nghệ cao còn yếu, cho nên con đường thích hợp đối với nước ta hiện nay là tiếp tục đổi mới cơ chế chính sách, tạo ra môi trường đầu tư hấp dẫn để lấy lại nhịp độ gia tăng thu hút vốn đầu tư trực tiếp như nhưng năm trước, qua đó mà tiếp nhận chuyên giao và sử dụng công nghệ tiên tiến có hiệu quả hơn.
- Bốn là, mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế còn tạo điều kiện khai thông việc giao lưu các nguồn lực giữa nước ta và thế giới. Trong các nguồn lực của sự phát triển hiện nay, nguồn lực con người với trí tuệ là tay nghề cao ngày càng có tầm quan trọng đặc biệt. Hiện nay, với dân số gần 87 triệu người, Việt Nam có nguồn nhân lực khá dồi dào, tỷ lệ lao động được đào tạo kỹ thuật chuyên môn còn thấp, ít hiểu biết về thị trường và nghiệp vụ kinh

doanh, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn khá cao. Vì thế , nước ta đang thừa nhiều lao động giản đơn được đào tạo trong khi lại thiếu nghiêm trọng lao động kỹ thuật và biết kinh doanh. Trong tình hình ấy, thông qua con đường hội nhập kinh tế quốc tế Bộ LĐ-TB&XH cho biết mục tiêu quốc gia giai đoạn 2011-2015 sẽ đưa 80.000-100.000 lao động đi làm việc ở nước ngoài mỗi năm, nhờ vậy mà giảm bớt sức ép về việc làm ở trong nước. Đồng thời chúng ta đã nhập khẩu một số lại lao động kĩ thuật cao để giúp cho việc quản lý ,điều hành các cơ sở sản xuất kinh doanh có công nghệ tiên tiến ,qua đó chúng ta có thể học hỏi những kinh nghiệm cần thiết.

- Dù nhìn ở từng điểm riêng rẽ hay nhìn một cách tổng thể thì việc mở rộng thị trường ra bên ngoài, gia tăng khả năng thu hút vốn trực tiếp, tạo cơ hội tiếp nhận chuyển giao công nghệ và đẩy mạnh giao lưu nguồn nhân lực giữa nước ta với thế giới. Tất cả đều đã góp phần đưa lại những nhân tố mới cho tăng trưởng kinh tế, đồng thời tạo thêm công ăn việc làm vừa đặt ra yêu cầu và vừa tạo ra điều kiện cho một bộ phận đáng kể công nhân, viên chức, cán bộ khoa học kỹ thuật của viên chức của ta tiếp cận được những công nghệ mới, học hỏi được những kinh nghiệm quản lý tiên tiến, qua đó nâng cao được chất lượng nguồn nhân lực của chính chúng ta.

3.2. Khó khăn

Mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế không chỉ đem lại những lợi ích mà còn đặt nước ta trước nhiều thách thức nếu chúng ta không có biện pháp ứng phó tốt để vượt qua thì sự thua thiệt cả về kinh tế và xã hội có thể rất lớn; ngược lại ,nếu chúng ta có chiến lược thông minh, chính sách khôn khéo thì sẽ hạn chế được thua thiệt dành được lợi ích nhiều hơn cho đất nước.

Thách thức đầu tiên mà nhiều người lo ngại nhất hiện nay là do tham gia vào các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực, nước ta phải giảm dần thuế quan và dỡ bỏ hàng rào phi thuế quan thì hàng hoá nước ngoài sẽ ồ ạt đổ vào nước ta chèn ép nhiều đơn vị kinh doanh trong nước kéo theo hệ quả xấu về việc làm, thu nhập và đời sống của người lao động. Với lo ngại đó, nhiều doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp trung bình và yếu kém, thường đòi hỏi nhà nước thi hành chính sách bảo hộ càng lâu càng tốt. Tuy nhiên, nếu đứng từ góc độ lợi ích về lâu dài của quốc gia mà xem xét thì nhà nước không thể và không nên đáp ứng đòi hỏi nêu trên của các doanh đó được bởi lẽ:

- Một là Việt Nam có nghĩa vụ thực hiện các cam kết về tự do hoá thương mại vào các mốc 2006 and 2020 khi đã tham gia AFTA và APEC, cũng như các cam kết khác khi được kết nạp vào WTO.
- Hai là việc thi hành chính sách bảo hộ mậu dịch luôn là "con dao hai lưỡi".Một chính sách bảo hộ có chọn lọc, có điều kiện, có thời hạn thì sẽ kích thích các nhà sản xuất trong nước khẩn trương đổi mới, tích cực vươn lên để có sức cạnh tranh mạnh hơn. Trái lại một chính sách bảo hộ quá mức thì rất có thể trở thành "gậy ông đập lưng ông".

Thách thức thứ hai, một thách thức rất nhạy cảm và hệ trọng được đặt là phải làm giữ vững được độc lập tự chủ trong tiến trình mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế. Không ít ý kiến cho rằng, nước ta hiện nay với xuất phát điểm kinh tế rất thấp nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi thị trường phát triển chưa đồng bộ, một bộ phận đáng kể của nền kinh tế chưa thoát khỏi lối sản xuất nhỏ lạc hậu, năng suất lao động thấp, sức cạnh tranh kém, trong khi các nước đi trước, nhất là các cường quốc tư bản phát triển có lợi thế hơn hẳn về nhiều mặt. Do đó, nếu chúng ta mở rộng quan hệ với các nước đó thì chúng ta khó tránh khỏi bị lệ thuộc

về kinh tế và từ chỗ lệ thuộc về kinh tế và từ chỗ lệ thuộc về kinh tế mà có thể đi đến chỗ không giữ vững được độc lập tự chủ nữa. Để hoá giải vấn đề này cần có cách nhìn nhận theo quan điểm mới. Trước hết, cần nhận rõ độc lập, tự chủ về thực chất là mỗi nước tự lựa chọn con đường và mô hình phát triển của mình. Tự quyết định các chủ trương, chính sách kinh tế- xã hội, tự đề ra mục tiêu chiến lược và kế hoạch trong từng thời kỳ và các biện pháp thực hiện các mục tiêu đo nhưng độc lập, tự do không có nghĩa là đóng cửa với thế giới quan niệm độc lập, tự chủ theo kiểu tự cấp, tự túc xây dựng cơ cấu kinh tế hoàn chỉnh, hướng nội đã được kinh nghiệm của bản thân nước ta chứng minh là không còn phù hợp với xu thế chung của thời đại và không có hiệu quả, đẩy đất nước vào tình trạng chậm phát triển về kinh tế không được nếu không được khắc phục thì sẽ làm xói mòn lòng tin của nhân dân, làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội nan giải, tạo ra nguy cơ từ bên trong đối với trật tự, an toàn xã hội và điều đó rốt cuộc khiến cho chúng ta khó giữ vững đượoc con đường phát triển đã lựa chọn là kết hợp độc lập dân tộc với CNXH vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Trái lại, việc mở rộng hợp tác kinh tế hai bên cùng có lợi giữa nước ta với các nước, các tổ chức quốc tế thì sẽ tạo nên một hình thái tương tuỳ, đan xen lợi ích với nhau, do đó mà chúng ta có thân thế và lực để giữ vững độc lập tự chủ của đất nước. đặc biệt trong khi thực hiện phương châm " đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ kinh tế đối ngoại" chúng ta sẽ thúc đẩy việc hình thành nên một hệ thống chằng chịt các mối quan hệ quốc tế để hạn chế và đẩy lùi âm mưu và hành động của một số thế lực nào đó buộc chúng ta phải lệ thuộc thái quá vào họ.

Cách đây trên một thế kỷ, José Marti - người thầy của nền độc lập Cuba đã nói một câu có ý nghĩa sâu xa: "Quốc gia nào muốn độc lập và giàu mạnh thì phải buôn bán với nhiều nước, còn quốc gia nào chỉ buôn bán với một nước thôi thì khó tránh khỏi bị phụ thuộc vào nước duy nhất ấy". Câu nói đó càng làm sáng tỏ thêm

các luận điểm mà Đảng ta, trung thành với tư tưởng Hồ Chí Minh đã nêu lên để chỉ đạo tiến trình mở cửa và hội nhập kinh tế của nước ta trong bối cảnh toàn cầu hoá ngày nay.

Thách thức tiếp theo là toàn bộ thể chế kinh tế phải chuyển đổi nhằm thích ứng với sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại đầu tư, chuyển giao công nghệ, nếu không sẽ gặp khó khăn trước những đối thủ cạnh tranh hùng mạnh, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ không được bảo vệ khi xảy ra tranh chấp thương mại.

Thách thức thứ tư là những vấn đề nảy sinh từ việc thúc đẩy nhanh chóng tiến trình cải cách khu vực kinh tế nhà nước, chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Trong quá trình đàm phán để gia nhập WTO, vai trò của khu vực kinh tế nhà nước tiếp tục suy giảm, trong khi việc thực hiện và các biện pháp thực hiện mục tiêu đó lại mang tính xã hội và ảnh hưởng tới nhiều tầng lớp xã hội có liên quan. Mặt khác, cải cách sẽ khiến cho tốc độ tăng trưởng trong công nghiệp quốc doanh chậm lại trong một thời gian, một phần do đầu tư vào khu vực này giảm, phần nữa là các xí nghiệp yếu kém sẽ thu hẹp sản xuất, đóng cửa hoặc chuyển sang lĩnh vực kinh doanh mới. Nguy cơ phá sản đối với các loại hình doanh nghiệp tăng lên. Công nghệ và trình độ dân trí có chuyển biến lớn, nhưng khoảng cách tụt hậu còn xa so với phần lớn các nước trên thế giới.

Những thách thức trong lĩnh vực nông nghiệp thậm chí còn lớn hơn, do trên 75% dân số vẫn sống dựa vào nông nghiệp, trong khi đó diện tích canh tác bình quân trên một lao động thấp, phương thức canh tác lạc hậu nên giá thành nông sản nhìn chung sẽ cao hơn mặt bằng giá thế giới. Khi những rào cản thương mại được bãi bỏ hoặc giảm thiểu, nông sản nhập khẩu từ các nước phát triển với giá thấp sẽ

gây sức ép lớn cho kinh tế nông thôn, nhiều đơn vị kinh doanh nông nghiệp có thể sẽ bị phá sản. Số người này sẽ di chuyển về thành phố, làm trầm trọng thêm tình trạng thất nghiệp.

Một thách thức nữa không kém phần quan trọng được đặt ra đối với chúng ta trong tiến trình mở cửa và hội nhập quốc tế là làm sao giữ vững được bản sắc văn hoá dân tộc, đảm bảo cho sự phát triển hài hoà và lành mạnh của đất nước. Đây không chỉ là nổi lo riêng của chúng ta mà còn là nỗi lo chung của nhiều nước khác trên thế giới. Bởi lẽ, thông qua các "siêu lộ thông tin với mạng Internet, xu thế toàn cầu hoá và tiến trình hội nhập quốc tế một mặt tạo điều kiện thuận lợi chưa từng có để các dân tộc, các cộng dồng người ở mọi chân trời góc biển có thể nhanh chóng trao đổi với nhau về hàng hoá, dịch vụ, kiến thức, phát minh, sáng chế, dữ liệu... qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển khoa học và công nghệ, mở mang sự hiểu biết về các nền văn hoá của nhau, mặt khác, quá trình trên cũng làm nảy sinh mối nguy cơ ghê gớm về "sự đồng nhất hoá các hệ thống giá trị và tiêu chuẩn, đe doạ làm suy kiệt khả năng sáng tạo của nền văn hoá, nhân tố hết sức quan trọng đối với sự tồn tại lâu dài của cả nhân loại".

Nguy cơ nói trên lại càng tăng lên gấp bội khi một siêu cường nào đó tự xem các giá trị văn hoá của mình là ưu việt, là tối thượng. Từ đó, nảy sinh thái đồ ngạo mạn và ý đồ áp đặt các giá trị của mình cho các dân tộc khác bằng một chính sách có thể gọi là xâm lược văn hoá với nhiều biện pháp trắng trợn và tinh vi.

Đứng trước tình hình đó, chúng ta không thể lui về chính sách đóng cửa, khước từ giao lưu, trao đổi, đối thoại với bên ngoài. Trái lại, với bản lĩnh vốn có của dân tộc trong quá trình giao lưu văn hoá với thế giới suốt mấy ngàn năm, chúng ta có thể vững tin và chủ động lựa chọn , tiếp thu các nhân bản, hợp lý, khoa

học, tiến bộ của văn hoá các nước ở phương đông và phương tây, xem đó là nhân tố cực kỳ quan trọng khơi dậy các tiềm năng sáng tạo, làm nên những giá trị vật chất và tinh thần mới trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đồng thời, chúng ta cũng kiên quyết phản đối sự tiếp nhận mọi thứ mà không phân biệt tốt xấu, hay dở, để đi đến chỗ mất gốc và lai căng về văn hoá, gây hậu quả xấu về tư tưởng, đạo đức, lối sống của tầng lớp dân cư.

3.3. Giải pháp

Chủ động hội nhập và phát triển kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế đã trở thành một xu thế khách quan, việc bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và cùng có lợi trong quan hệ song phương và đa phương với tất cả các nước, các vùng lãnh thổ trên thế giới và các tổ chức quốc tế, các trung tâm kinh tế cũng cần phải được coi là một phương châm cơ bản. Thực hiện nguyên tắc này trong hội nhập kinh tế quốc tế để Việt Nam chúng ta trở thành bạn, thành đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực, một mặt, chúng ta không được phép để phương hại đến lợi ích cần có và hợp lý mà chúng ta xứng đáng được hưởng; mặt khác, chúng ta cũng phải chấp nhận một sự chia sẻ lợi ích hợp lý cho các đối tác tham gia đầu tư và hợp tác sản xuất kinh doanh với chúng ta. Đồng thời, chúng ta cũng cần phải giữ vững nguyên tắc vừa hợp tác, vừa đấu tranh; vừa kiên quyết, vừa mềm dẻo để đạt tới mục tiêu và bảo vệ được lợi ích chính đáng của chúng ta trong quá trình đầu tư và hợp tác sản xuất kinh doanh.

Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế đã trở thành một xu thế khách quan còn đòi hỏi chúng ta phải thực hiện nhất quán phương châm đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ kinh tế. Bởi lẽ,

chỉ có trên cơ sở thực hiện tốt phương châm này, chúng ta mới có thể có được khả năng bảo đảm lợi ích quốc gia, bảo vệ an ninh và chủ quyền quốc gia trong hội nhập; đồng thời còn có được khả năng giữ vững độc lập tự chủ và sự cân bằng trong quan hệ quốc tế, tránh được sự lệ thuộc, phụ thuộc một chiều vào một đối tác hay một số đối tác nào đó trong quá trình hội nhập. Và, cũng chỉ có trên cơ sở thực hiện tốt phương châm này, chúng ta mới có thể tránh được sự độc quyền kinh doanh của một tập đoàn hay một số tập đoàn kinh tế nào đó trên đất nước ta, không để họ nắm quyền chi phối, khống chế, thao túng nền kinh tế nước ta, đồng thời tạo ra sự cạnh tranh giữa các đối tác nước ngoài trong quá trình liên kết, hợp tác làm ăn với nước ta, tạo ra những lợi thế cần thiết cho các doanh nghiệp nước ta vươn ra làm ăn trên thị trường thế giới và khu vực.

Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế đã trở thành một xu thế khách quan còn đòi hỏi chúng ta phải phát huy cao độ nguồn lực trong nước, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài, kết hợp chặt chẽ nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp theo phương châm lấy phát huy cao độ nguồn lực trong nước làm cái có ý nghĩa quyết định, lấy tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài làm cái có ý nghĩa quan trọng. Bởi lẽ, trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế hiện nay, chỉ có trên cơ sở phát huy cao độ nguồn lực trong nước, chúng ta mới có thể tranh thủ được và sử dụng được một cách tối đa nguồn lực bên ngoài, mới biến ngoại lực thành nội lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh, có hiệu quả và ngày càng bền vững.

Như vậy, có thể nói, với Việt Nam hiện nay, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa đã trở thành một xu thế khách quan để có thể tranh thủ, tận dụng và khai thác tối đa những cơ hội thuận lợi, đồng thời có thể khắc phục và vượt qua mọi nguy cơ, thách thức, mọi khó khăn, trở ngại trong

quá trình hội nhập, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ phải gắn liền với chủ trương chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp nhằm phát triển đất nước, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Để chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta cần thực hiện những yêu cầu cơ bản như sau:

- Phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường.
- Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân; mọi tiềm năng, lợi thế và các nguồn lực của mọi thành phần kinh tế, của mọi người dân, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng.
- Cần linh hoạt trong xử lý tính hai mặt của quá trình chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, tùy theo đối tác, tùy theo vấn đề, trường hợp và thời điểm cụ thể; vừa phải đề phòng tư tưởng chần chừ, do dự, thụ động, vừa phải chống tư tưởng giản đơn, nôn nóng, thiếu sự cân nhắc cẩn trọng.
- Không ngừng bổ sung, hoàn thiện chiến lược, quy hoạch, lộ trình, đảm bảo vừa phù hợp với điều kiện, trình độ phát triển của đất nước, vừa đáp ứng yêu cầu hội nhập theo quy định của các tổ chức kinh tế quốc tế mà nước ta tham gia; tranh thủ những ưu đãi dành cho các nước đang phát triển và các nước có nền kinh tế chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp sang kinh tế thị trường hiện đại.

- Kết hợp chặt chẽ quá trình chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế với yêu cầu giữ vững an ninh, quốc phòng; thông qua chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế để tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước; nhằm củng cố chủ quyền và an ninh quốc gia, cảnh giác với những mưu toan của các thế lực thù địch thông qua quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta để thực hiện ý đồ "diễn biến hòa bình".

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. GS. TS Hoàng Ngọc Hòa (2010), "Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế", *Báo điện tử Đại đoàn kết*
2. GS. TS. Đặng Đình Đào, GS.TS. Hoàng Đức Thân (2001),*Giáo trình Kinh tế Thương mại,* NXB Thống Kê
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2001 - 2010*, Đại hội đại biểu toàn quốc lần IX của Đảng
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011 - 2020*
5. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.120.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.114.

Website

1. Cổng TTĐT Chính phủ - Chinhphu.vn
2. Báo điện tử Đảng Cộng Sản - Dangcongsan.vn
3. Tổng cục thống kê - Gso.com.vn
4. Báo điện tử VnExpress - Vnexpress.net
5. World Bank Group - Worldbank.org
6. Khu vực mậu dịch tự do – Wikipedia tiếng Việt (http://vi.wikipedia.org/wiki/Khu_v%E1%BB%B1c_m%E1%BA%ADu_d%E1%BB%8Bch_t%E1%BB%B1_do)
7. Hội nhập kinh tế – Wikipedia tiếng Việt

(http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%99i_nh%E1%BA%ADp_kinh_t%E1%BA%BF)

8. http://dictionary.bachkhoatoanthu.gov.vn/default.aspx?param=1D4FaWQ9MTQ1OTEmZ3JvdXBpZD0ma2luZD0ma2V5d29yZD10aSVlMSViYiU4MW4rdCVlMSViYiU4Nw==&page=1